

TƯ TƯỞNG NHẬP THỂ TRONG TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO TRẦN THÁI TÔNG

Tóm tắt: Là một trong những đại diện xuất sắc nhất của Thiền học Việt Nam thời Trần, vua Trần Thái Tông với tác phẩm Khóa hư lục đã thể hiện sâu sắc quan niệm nhập thể, gắn đạo với đời của ông không chỉ về phương diện lý luận, mà cả về phương diện hành động thực tiễn. Tư tưởng nhập thể của ông không chỉ được vận dụng vào việc trị nước an dân, xây dựng và củng cố các mặt đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội ngày một hoàn thiện hơn so với thời Lý trước đó, mà đặc biệt hơn nó còn được vận dụng vào cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông lần thứ nhất, làm nên chiến thắng hào hùng của dân tộc. Nét đặc sắc trong tư tưởng nhập thể này đã đưa tên tuổi của Trần Thái Tông xứng đáng là ngọn đuốc sáng của Thiền học Việt Nam vào thế kỉ XIII.

Từ khóa: Đời Trần, nhập thể, Phật giáo, triết học, tư tưởng.

1. Mở đầu

Trong vườn thiền Việt Nam, Trần Thái Tông là người đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử, thu về một mối những tàn mác về mặt tư tưởng cuối thời Lý đầu thời Trần, tạo tiền đề cho sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử về sau. Ngoài ra, người đời biết đến Trần Thái Tông còn với tư cách một vị vua anh minh, một nhà quân sự tài ba, một nhà văn, nhà thơ, một nhà tư tưởng lớn của dân tộc.

Về tiểu sử và gia thế của vua Trần Thái Tông được *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi lại như sau: Trần Thái Tông họ Trần, tên húy là Cảnh, là con thứ của Trần Thừa, sinh ngày 16 tháng 6 năm Mậu Dần, Kiến Gia thứ 8 triều Lý (1218). Tổ tiên của vua là người đất Mân, có người nói là ở Quế Lâm đến ở hương Tức Mặc, phủ Thiên Trường (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay) và là một gia tộc có thế lực trong vùng, dựa trên cơ sở kinh tế vững chắc là nghề đánh cá. Năm lên 8 tuổi, Trần Cảnh được người chú họ là Trần Thủ Độ đưa vào cung làm chức Chi hậu chính chỉ ứng cục

* Trường Nhân văn, Đại học Tổng hợp Hạ Môn, Trung Quốc.

triều Lý, hầu cận vị nữ vương trẻ tuổi Lý Chiêu Hoàng. Theo sự dàn xếp của Trần Thủ Độ, Chiêu Hoàng kết hôn với Trần Cảnh vào năm 1225. Ông lên ngôi hoàng đế, mở đầu triều đại nhà Trần, lấy niên hiệu là Kiến Trung. Trần Thái Tông trị vì 33 năm. Ông mất năm 1277, hưởng thọ 60 tuổi. Tài năng, đức độ của Trần Thái Tông được sử gia Ngô Sĩ Liên ghi lại với những lời lẽ trang trọng: “Vua khoan nhân đại độ, có lượng đế vương, cho nên có thể sáng nghiệp truyền dòng, lập kỷ dựng cương, chế độ nhà Trần thực to lớn vậy”¹.

Sinh thời Trần Thái Tông viết nhiều, tuy nhiên trước những thăng trầm của lịch sử, nhiều tác phẩm của ông đã mất hoặc thất lạc, chỉ còn lại hai bài thơ trong *Thái Tông thi tập*, ba bài văn gồm, một đề tựa cuốn Kinh Kim Cương tam muội chú giải, một đề tựa cuốn Thiền tông chỉ nam ca và bài còn lại là đề tựa cuốn Bình đẳng lễ sám văn; ngoài ra còn có hai tác phẩm được giữ lại hầu như trọn vẹn là sách *Khóa hư lục* và *Lục thi sám hối khoa nghi*. Các trước tác còn lại đến ngày nay của Trần Thái Tông được ghép chung vào sách lấy tên là *Khóa hư lục*.

Về thời đại, Trần Thái Tông sinh ra trong bối cảnh triều Lý rơi vào sự suy tàn không sao cứu vãn nổi, triều đình bạc nhược, trong nội bộ đất nước diễn ra sự tranh giành quyền lực giữa các dòng tộc. Họ Trần nhân dịp này đã chớp thời cơ, dùng mưu lược thông qua mối quan hệ hôn nhân giữa Trần Cảnh và Lý Chiêu Hoàng đã chuyển ngai vàng từ nhà Lý sang nhà Trần một cách hòa bình êm thấm. Và Trần Thái Tông đã trở thành vị vua có công khai mở cho sự trị vì của nhà Trần suốt khoảng thời gian sau đó (1225-1400). Khi nghiên cứu về tư tưởng triết học của Trần Thái Tông, chúng ta cần nhấn mạnh rằng một trong những điểm quan trọng quán xuyên toàn bộ lý luận của ông đó chính là quan niệm nhập thế sâu sắc. Quan niệm nhập thế này được thể hiện rõ nét trên cả hai phương diện: lý luận và thực tiễn.

2. Quan niệm nhập thế về phương diện lý luận

Nếu chúng ta xem tư tưởng nhập thế như một sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử Phật giáo dân tộc thì điều này ở triết học Trần Thái Tông càng được thể hiện rõ nét, mang tính chất điển hình tiêu biểu. Trước khi tìm hiểu quan niệm nhập thế của Trần Thái Tông, chúng ta cần làm rõ nội hàm của khái niệm “nhập thế” được dùng ở đây. Theo *Đại từ điển Tiếng Việt* của Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, thì khái niệm “nhập thế” có nghĩa là “vào gánh vác việc đời, không xa lánh cõi

đời”². Như vậy, vận dụng ý nghĩa này vào Phật giáo dân tộc có nghĩa là Phật giáo Việt Nam không mang thái độ bi quan, yếm thế như Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy mà ngược lại nó chứa đựng tinh thần dân thân, sẵn sàng đảm nhận và gánh vác việc đời, không xa lánh cõi đời. Ở Trần Thái Tông, tinh thần nhập thế, gắn đạo với đời càng sâu sắc hơn.

Truyền thống nhập thế tích cực của Phật giáo Việt Nam đã có từ thời Lý, gắn liền với tên tuổi của nhiều vị thiền sư danh tiếng thuộc thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, tiêu biểu như thiền sư Định Không (730-808), trưởng lão La Quý An (852-936), thiền sư Pháp Thuận (925-990), thiền sư Vạn Hạnh (?-1025), thiền sư Viên Học (1073-1136), v.v... Có thể nói, hầu hết các vị thiền sư này đều là những nhà trí thức lớn của dân tộc thời bấy giờ. Họ học rộng, uyên bác, tinh thông Tam giáo, giỏi cả chữ Phạn lẫn chữ Hán, tinh tường sách vở dự báo vận nước... Trên tất cả, đó chính là tấm lòng yêu nước thương dân, hòa hợp với đức hiếu sinh, trọng từ bi hỷ xả của tinh thần Phật giáo. Họ có thể nhận lãnh bất kỳ trọng trách nào khi đất nước cần, dù là tiếp sứ, cố vấn chính trị cho vua, tể tướng, v.v.. Tiêu biểu như thiền sư Vạn Hạnh “trụ tích trấn vương kỳ”³, hay như thiền sư Viên Học “tùy phương khai hóa, cho đến sửa cầu, đắp đường, không việc nào là không xung phong trước”⁴. Đến lượt thiền phái Vô Ngôn Thông cũng đã có nhiều vị danh tăng thực chú trọng tinh thần nhập thế, tiêu biểu như: Quốc sư Thông Biện (?-1134), thiền sư Trí Bảo (?-1190) “chống gậy xuống núi, hoặc sửa cầu đường, hoặc dựng chùa tháp, tùy duyên khuyến khích mọi người, không màng lợi dưỡng”⁵.

Trần Thái Tông đã kế thừa tinh thần nhập thế của Phật giáo thời Lý trước đó, đồng thời phát triển nó lên một bước về mặt lý luận và thực tiễn. Nhìn lại cuộc đời của ông thừa thiếu thời có thể thấy, Trần Thái Tông có tuổi thơ cô cút, cha mẹ mất sớm khi vừa mới mười sáu tuổi. Với trọng trách gánh vác vận mệnh nước nhà trên vai, cộng thêm nỗi buồn phiền vì chuyện riêng khi bị người chú là Trần Thủ Độ bắt ép từ bỏ Chiêu Thánh - đang là hoàng hậu vợ của Thái Tông, giáng xuống làm công chúa và ép ông phải lập vợ của anh ruột tên Trần Liễu là Thuận Thiên công chúa đang có mang ba tháng lên làm hoàng hậu, định mạo nhận đứa con để nối dõi về sau. Do Chiêu Thánh sau hơn mười năm mà vẫn chưa có con với Thái Tông, trong khi Trần Thủ Độ nóng lòng muốn có người kế vị nhà Trần về sau nên đã áp dụng biện pháp cực đoan như thế. Việc làm này đã khiến cho Trần Thái Tông vô cùng đau khổ, dẫn vật vì bị mang tiếng là “lấy tranh vợ của anh ruột”, gây nên chuyện “thương

luân bại lý”. Đó là nguyên nhân khiến cho Trần Thái Tông bức xúc, đang đêm bỏ trốn khỏi hoàng cung, lên núi Yên Tử mong cầu thành Phật để hóa giải hết mọi đau khổ trong cuộc đời.

Trong bài *Tựa Thiền Tông chỉ nam*, Trần Thái Tông đã tự thuật lại việc bỏ ngôi vua đi lên núi tu như sau: Khi phát hiện ra vua bỏ trốn, Trần Thủ Độ cùng quan quân và các bậc quốc lão tìm đến tận núi để thuyết phục Thái Tông trở về triều. Trần Thủ Độ tuy là người không được học hành nhưng có tài thao lược và mang nặng đầu óc thực tiễn. Ông từng chân thành khuyên vị vua trẻ như sau: “Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu đã vậy nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Nếu chỉ để lời nói suông lại cho đời sau, sao bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ”⁶. Trần Thủ Độ đã chỉ ra cho vua thấy rằng, nếu bậc làm vua mà bỏ xã tắc đi tu, cầu tìm sự giải thoát cho riêng bản thân mình chẳng khác gì lẩn tránh thế sự. Trọng trách trị quốc an dân không thể được thay thế bằng vài ba lời nói suông là đủ, mà vua phải trở thành tấm gương mẫu mực trong việc tế thế an dân, bằng những hành động ích nước lợi dân cụ thể và thiết thực.

Lời của Trần Thủ Độ không phải là không tác động đến nhận thức của Trần Thái Tông. Tuy nhiên, để cho vị vua trẻ tâm phục khẩu phục hoàn toàn mà thay đổi quyết định thì lại phải nhờ đến sự khuyên bảo tận tình của Quốc sư Trúc Lâm giúp cho vua hiểu. Khi nghe Thái Tông ứa lệ bộc bạch rằng: “Trẫm đương trẻ thơ, mẹ cha vội mất, trơ vơ đứng trên dân chúng, không chỗ tựa nương; lại nghĩ sự nghiệp các đế vương thuở trước, thay đổi bất thường, cho nên tìm đến núi này chỉ muốn được thành Phật, chứ không cầu gì khác”⁷. Nghe lời giải bày với ý định bỏ ngôi vua, lên núi đi tu mong cầu thành Phật của Thái Tông, Quốc sư Trúc Lâm từ tốn giải thích cho vị vua trẻ mộ đạo hiểu được ý chỉ của thiền học như sau: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở ngay trong lòng. Lòng lặng lẽ mà hiểu, đó chính là chân Phật. Nay nếu bệ hạ giác ngộ điều đó thì lập tức thành Phật, không cần khổ công tìm kiếm bên ngoài”⁸. Đây chính là yếu chỉ của Phật giáo Thiền tông: Phật tại tâm, ngoài tâm không có Phật.

Khi Thái sư Trần Thủ Độ tìm mọi cách ép vua phải về triều, vua do dự không biết phải làm thế nào thì Quốc sư Trúc Lâm ân cần, cầm tay vua mà khuyên rằng: “Phàm đã là bậc nhân quân, tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình; lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Nay muôn dân đã muốn đón bệ hạ về thì bệ hạ không về sao được!”⁹. Lời nhắn nhủ vừa chân thành, vừa sâu sắc của Quốc sư Trúc

Lâm đã thâm tóm trong đó triết lý nhập thế của Phật giáo Việt Nam. Quốc sư muốn chỉ bày cho vị vua trẻ hiểu rằng, đi tu Phật không nhất thiết cứ phải xuất gia cầu đạo, tìm sự giải thoát cho riêng bản thân mình, mà điều quan trọng hơn là ở chỗ giữ cho thân tâm trong sáng, dốc lòng tu luyện về mặt trí tuệ và giới luật. Một trong những cách thức để mau chóng đi đến giác ngộ đó là người tu thiền cố gắng khai mở tâm của mình đạt đến trạng thái minh tâm kiến tính, thấu suốt triết lý “vô ngã, vị tha”, vượt qua sự ích kỷ, hẹp hòi của cá nhân để hướng tới cái tâm từ bi, bao dung hết mọi chúng sinh, nhân quần trong xã hội. Đặc biệt hơn, với những người ở vào địa vị đảm nhận trọng trách cao cả như bậc làm vua, càng phải thực hiện sự khai mở tâm ở phạm vi rộng lớn hơn đi từ góc độ gia đình, dòng tộc cho đến toàn thể muôn dân và chúng sinh.

Ở đây, chúng ta thấy có một sự tương đồng thú vị về những tư tưởng cao đẹp của các bậc thượng trí dù ở những thời đại khác nhau trong lịch sử. Nếu như Lão Tử trong tác phẩm *Đạo Đức kinh* từng nói: “Đấng thánh nhân không có lòng thương, lấy lòng của trăm họ làm lòng mình. Với kẻ lành, ta tốt đấy; với kẻ không lành, ta cũng tốt đấy, vì đức lành...”¹⁰ thì ở đây lời khuyên bảo của Quốc sư Trúc Lâm với Trần Thái Tông tỏ rõ ý nghĩa cụ thể hơn, thực tế hơn so với lời giáo hóa của Lão Tử. Nhà triết học Trung Hoa có ý tưởng cao cả về quan niệm thánh nhân, lấy lòng của trăm họ làm lòng mình, tốt với cả kẻ lành và kẻ không lành. Trên thực tế, quan niệm này quả thực rất khó thực hiện, lại dường như là sự nhún nhường cho những kẻ ác. Kế thừa những điểm hợp lý và phù hợp với tinh thần dân tộc, Quốc sư chỉ khuyên vua một điều duy nhất là: Phàm bậc làm vua, tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình. Người nào đạt được như thế sẽ mau chóng đi đến giác ngộ và giải thoát. Họ đạt đến cảnh giới tu và ngộ đạo, thành Phật ngay chính trong cuộc đời, họ sống ung dung, tự tại, điềm nhiên “ứng cơ tiếp vật” có nghĩa là có thể nhận lãnh lấy bất kỳ trọng trách nào mà muôn dân và xã tắc giao phó. Tư tưởng này chứa đựng quan niệm “dân là gốc”, thấy được mối liên hệ gắn bó giữa việc tạo dựng một nền chính trị thân dân với sức mạnh và lực lượng của toàn dân.

Tư tưởng nhập thế sâu sắc trong triết học Phật giáo của Trần Thái Tông còn được hiểu với hai nét nghĩa: nét nghĩa thứ nhất, đó là không xa lánh cõi đời mà dân thân, hăng hái đi vào cuộc đời để dũng cảm gánh vác các trách nhiệm mà đời sống giao phó, sao cho đem lại lợi ích chính đáng cho dân cho nước; nét nghĩa thứ hai, là nhập thế sâu sắc, còn có nghĩa là

thiền giả cố gắng đem ứng dụng những giá trị đạo đức nhân sinh cao đẹp của Phật giáo vào đời sống, làm cho nó hiển hiện tràn đầy và sinh động, tạo phúc cho chúng sinh.

Trong số các trước tác còn lưu lại đến ngày nay của Trần Thái Tông có bài *Tựa Kinh Kim cương tam muội*, ông đã mạnh dạn đem sự hiểu biết của mình để giảng giải lại cho chúng sinh hiểu nội dung cơ bản của kinh này, ông viết: “Khơi giọt nước ở tận nguồn chính giác; đắp bụi sa nơi cửa ngõ chân như. Phát huy ý chỉ, mở rộng chân tông. Khiến cho vừa thoáng xem văn; đã hiểu rõ ràng nghĩa lý. Phá giậu phen bền vững của bọn tà, làm mẫu mực lễ nghi cho môn đệ”¹¹. Qua lời tự sự của ông, chúng ta thấy, Trần Thái Tông đã thể hiện rõ quan niệm nhập thế sâu sắc. Giảng giải rốt ráo ý nghĩa thâm sâu của kinh điển Phật giáo thật không phải là việc dễ dàng gì, trái lại phải mất rất nhiều công sức nghiên cứu tìm tòi, lao tâm khổ tứ mới làm nên được trọn vẹn. Biết là khó, song ông vẫn dấn thân làm cho bằng được, tự nhận lấy trách nhiệm cao cả để khơi nguồn chính giác, mở rộng chân tông, trở thành mẫu mực cho môn đệ noi theo. Khi đã dừng cảm viết nên những câu khẳng khái như thế, không nói ra nhưng chúng ta đều có thể hiểu rằng, một người muốn lấy thân mình ra để nêu gương đạo đức cho người khác noi theo, ắt hẳn người đó phải vô cùng bản lĩnh, trí tuệ, có tư chất, đạo đức mẫu mực ít ai sánh kịp.

Quan niệm nhập thế của Trần Thái Tông không chỉ thể hiện qua những lời tự sự, mà nó còn được phản ánh rõ nét qua những tác phẩm lý luận của ông. Tiêu biểu như trong bài *Bàn rộng về sắc thân*, Trần Thái Tông có nêu lên quan điểm của mình xoay quanh vấn đề tu và chứng ngộ như sau: “Nhu chưa thấu Phật tâm ý tổ; trước hãy nên trì giới tụng kinh. Đến lúc hay Phật là không, tổ là không; thì giới chẳng cần trì, kinh không cần tụng. Trong ảo sắc cũng là chân sắc; nơi phàm thân cũng thực pháp thân. Phá lục tặc làm lục thần thông; đưa bát khổ thành bát tự tại”¹².

3. Quan niệm nhập thế về phương diện thực tiễn

Một trong những điểm nổi bật ở Trần Thái Tông là ông không chỉ dừng lại ở lời nói suông mà nói đi đôi với làm, chứa đựng quan niệm nhập thế sâu sắc mà không phải nhà thiền học nào cũng có thể đạt được. Trong buổi giao thời chuyển từ tình trạng khủng hoảng suy vi vào cuối thời Lý sang sự ổn định, phát triển vào đầu thời Trần, không thể bỏ qua công lao đóng góp to lớn của Trần Thái Tông với tư cách là vị vua khai mở đầu triều đại nhà Trần. Quan niệm nhập thế này đã chi phối tất cả suy

nghĩ và hành động của ông không nằm ngoài mục đích nhằm nhanh chóng đưa xã hội phong kiến trong bước chuyển giữa hai triều đại sớm đi vào ổn định để khôi phục, phát triển mọi mặt khác của đời sống xã hội từ hình luật, kinh tế đến quân sự, văn hóa giáo dục, tư tưởng v.v...

Tư tưởng nhập thế về phương diện thực tiễn đã được Trần Thái Tông vận dụng thông qua nhiều hành động cụ thể, thiết thực mang ý nghĩa ích nước lợi dân, tạo điều kiện để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Tiêu biểu như về phương diện hình pháp thời Trần. Trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phan Huy Chú còn ghi lại sự kiện: “Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 6 (1230), soạn sách Quốc triều hình luật, khảo định các lệ đời trước để làm. Hay như năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 13 (1244), định những cách về hình luật”¹³. So với thời Lý, hình luật nhà Trần có phần chặt chẽ, nghiêm minh hơn, bởi lẽ Trần Thái Tông hiểu rằng, hình luật có nghiêm khắc mới mang tính răn đe người đời tránh phạm phải. Có như vậy mới thiết lập được trật tự, kỷ cương phép nước để ổn định lâu dài và phát triển. Bên cạnh đó, Trần Thái Tông còn đề tâm đến việc xây dựng lực lượng quân sự tinh chuyên vào loại bậc nhất thế giới thời bấy giờ thông qua việc mở giảng võ đường, tuyển chọn trai tráng khỏe mạnh, sung vào hàng ngũ các loại quân, giảng dạy binh pháp, tinh thần thượng võ cho các quân sĩ. Sử cũ còn ghi lại sự kiện: “Năm 1246, chọn người khỏe mạnh sung làm quân Tứ thiên, Tứ thánh, Tứ thần”¹⁴. Tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu xâm lược và thôn tính của ngoại bang, quyết tâm giữ gìn bằng được nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Việt đã khiến vua tôi nhà Trần ra sức củng cố lực lượng quân sự vững mạnh, cả về số lượng lẫn chất lượng binh lính. Với số quân khá đông đảo như thế, để giảm bớt chi phí của nhà nước trong việc nuôi quân, nhà Trần thực hiện chính sách “ngụ binh ư nông”, lúc cần nhập ngũ thì ra, lúc rảnh cho về làm ruộng.

Không chỉ chú trọng về phương diện quân sự, mà nhà Trần còn quan tâm đến chính sách đoàn kết trong nước, thu phục các tù trưởng, trại chủ người Man nhằm trấn thủ ở những vị trí trọng yếu, hiểm trở. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi lại sự kiện liên quan trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ nhất năm 1257: “Ngày 24, vua và thái tử ngự lầu thuyền, tiến quân đến Đông Bộ Đầu, đón đánh, cản phá được quân giặc. Quân Nguyên chạy trốn về, đến trại Quy Hóa, chủ trại là Hà Bổng chiêu tập người Man ra tập kích, lại cả phá bọn chúng”¹⁵. Đầu thời nhà Trần, chính quyền trung ương chưa bao giờ xao nhãng trong việc

củng cố mối hòa khí trong nội bộ quốc gia, nhất là đối với cộng đồng dân tộc thiểu số. Điều này nói lên tinh thần đoàn kết dân tộc trong nội bộ đất nước, phù hợp với tư tưởng hòa hợp, viên dung của Phật giáo.

Về phương diện kinh tế, vua Trần Thái Tông còn thể hiện tinh thần nhập thế sâu sắc ở chỗ lấy mong muốn của dân chúng làm mong muốn của mình. Vốn dĩ, cơ sở kinh tế của xã hội Đại Việt đầu thời Trần vẫn dựa vào nền nông nghiệp lúa nước là chủ yếu, mà muốn cho việc sản xuất nông nghiệp được tiến hành thuận lợi thì không thể không quan tâm đến việc làm tốt công tác thủy lợi. Thấu hiểu được yêu cầu bức thiết này của dân chúng, để có điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển, triều Trần mà đứng đầu là Trần Thái Tông đã quy định nhà nước đứng ra tổ chức đắp đê ngăn nước mặn ở vùng ven biển để lập điền trang, hoặc tiến hành đào, nạo vét kênh dẫn thủy phục vụ tưới tiêu trong nông nghiệp. Trong vấn đề giáo dục khoa cử của đất nước, hành động nhập thế ở Trần Thái Tông còn thể hiện ở chỗ ông đã dành rất nhiều tâm trí để khai mở giáo hóa dân chúng.

Đỉnh cao trong tinh thần nhập thế sâu sắc “*dĩ thiên hạ chi tâm vi tâm*” tức là lấy lòng của mọi người làm lòng của mình ở Trần Thái Tông còn là hành động đánh giặc cứu dân cứu nước. Nét độc đáo, sâu sắc của quan niệm nhập thế ở ông không chỉ dừng lại ở triết lý suông, mà cao cả hơn, Trần Thái Tông đã đem ứng dụng nó vào chính cuộc đời mình, trở thành một ông vua vừa đạo đức, vừa anh hùng.

Nhìn chung, Trần Thái Tông đã tái thiết mọi mặt của đời sống xã hội, ổn định chính trị, củng cố các quan hệ về mặt hình pháp, quân sự, kinh tế, giáo dục, v.v... đi vào nề nếp, quy củ, chặt chẽ hơn so với thời Lý trước đó. Bước đầu nhà Trần đã tạo dựng được niềm tin trong dân chúng chỉ với sau hai mươi năm trị vì.

Kết luận

Tóm lại, tư tưởng nhập thế sâu sắc trong triết học Phật giáo Trần Thái Tông tựu trung có những nét nổi bật sau:

Một là, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của bối cảnh đất nước thời bấy giờ đòi hỏi phải có một hệ tư tưởng độc lập, tự chủ ngang tầm thực tiễn làm giá đỡ tinh thần cho dân tộc, đồng thời cũng là một sự tiếp nối truyền thống đã có từ các thiền sư thời Lý mà Trần Thái Tông đặt nặng vấn đề phát huy hơn nữa tư tưởng nhập thế sâu sắc của Phật giáo dân tộc và thể hiện nó trong lý luận của mình.

Hai là, quan niệm nhập thế ở Trần Thái Tông được thể hiện cả về phương diện lý luận và hành động thực tiễn. Đó là thái độ quý trọng nhân dân, hăng hái gánh vác thế sự với một ý thức trách nhiệm cao, hết lòng hết sức phụng sự cho dân cho nước, quan tâm củng cố chính sự bằng những việc làm thiết thực để quốc thái dân an. Nét đặc sắc này trong tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông xứng đáng để chúng ta kế thừa, vận dụng sáng tạo và phát huy hơn nữa trong bối cảnh thực tiễn của đất nước giai đoạn hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 7.
- 2 Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam, Nguyễn Như Ý chủ biên (1998), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr. 1243.
- 3 Lê Mạnh Thát (2005), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 297.
- 4 Lê Mạnh Thát (2005), Sđd, tr. 326.
- 5 Lê Mạnh Thát (2005), Sđd, tr. 253.
- 6 Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, t. 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 29.
- 7 Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, t. 2, Sđd, tr. 28.
- 8 Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, t. 2, Sđd, tr. 28.
- 9 Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, t. 2, Sđd, tr. 29.
- 10 Nghiêm Toàn dịch (1972), *Lão Tử Đạo Đức kinh - Quốc văn giải thích*, Quyển II, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, tr. 103.
- 11 Viện Văn học (1989), Sđd., tr. 34.
- 12 Viện Văn học (1989), Sđd, tr. 55.
- 13 Viện Sử học (2007), *Lịch triều Hiến chương loại chí*, t. 2, Nxb. Giáo dục, Thanh Hóa, tr. 174.
- 14 Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t. 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 21.
- 15 Ngô Sĩ Liên (2004), Sđd, tr. 30.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anh Chi (2007), *Trần Thái Tông - Nhà Phật học lớn của nước Việt*, Nghiên cứu Phật học, (4), tr. 22-23.
2. Nguyễn Hùng Hậu (1996), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Duy Hinh (1999), *Tư tưởng Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Xuân Hưng (2008), *Phật giáo và nhân sinh quan của vua Trần Thái Tông*, Nghiên cứu Phật học, (3), tr. 60-63.
5. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
6. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt Sử ký toàn thư*, t. 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Thích Duy Lực (2005), *Danh từ Thiền học chú giải*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Nghiêm Toản dịch (1972), *Lão Tử Đạo Đức kinh - Quốc văn giải thích*, Quyển II, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
9. Lê Mạnh Thát (2005), *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
11. Viện Sử học (2007), *Lịch triều Hiến chương loại chí*, t. 2, Nxb. Giáo dục, Thanh Hóa.
12. Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý - Trần*, t. 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

INCARNATION THOUGHT IN TRAN THAI TONG'S THE BUDDHIST PHILOSOPHY

As one of the most outstanding representatives of Vietnam Zen in Tran dynasty, the King Tran Thai Tong in his work “Khóa hư lục” reflected his incarnation conception, rejoin religion and secular life in terms of theory and practical action. His incarnation thought was not only applied to rule the country and civilian, to construct and strengthen the social, economic and cultural life in order to more complete society in comparing with the previous dynasty Ly, particularly, it was also applied to the first Resistance against the Mongol invaders that made a heroic victory of the nation. The incarnation thought brought the name Tran Thai Tong deserved to be a bright torch of Vietnam Zen in the 13th century.

Keywords: Tran dynasty Buddhism, thought, incarnation.